TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2025/HS-ST
Ngày 13 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Chum và bà Trần Thị Thuý;

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn N, sinh 25/3/2001; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: không; con ông Quàng Văn T, sinh 1977 và bà Quàng Thị M, sinh 1980; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Điêu Chính T, sinh 06/3/2000; tại: huyện Q, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Q, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: không; con ông Điêu Chính H, sinh 1980 và bà Điêu Thị Q, sinh 1983; vợ Lò Thị Hồng Kiên, sinh 2003 và 02 con, con lớn nhất sinh 2022, con nhỏ nhất sinh 2023; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo Niêm:* Ông Điêu Chính Tùng, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thanh:* Ông Lường Duy Tuyên, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút, ngày 12/12/2024, Tổ công tác Công an thị trấn Ít Ong làm nhiệm vụ tại khu vực Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện M tiến hành kiểm tra hành chính đối với Quàng Văn N và Điêu Chính T; qua gọi hỏi Quàng Văn N đã giao nộp 01 gói nilon màu hồng bên trong có 01 viên nén màu hồng, ký hiệu WY và 02 cục bột màu hồng, Quàng Văn N và Điêu Chính T khai nhận đó là ma tuý. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền.

Quàng Văn N và Điêu Chính T khai về nguồn gốc ma tuý: Hồi 17 giờ, ngày 12/12/2024 Quàng Văn N nói với Điêu Chính T "góp tiền để tìm mua ma tuý về sử dụng", Thanh đồng ý đưa cho Niêm 100.000VNĐ, Niêm bảo T đứng chờ, N đi bộ đến khu vực cầu Vạn Bú thì gặp một người (không biết tên, tuổi, địa chỉ) hỏi và mua được 01 gói ma tuý với số tiền 200.000VNĐ rồi quay lại chỗ Thanh, đưa cho Thanh xem xong Niêm cất vào túi quần, cùng nhau đi về và bị bắt.

Ngày 12/12/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Quàng Văn N và Điêu Chính T như sau: 01 viên nén màu hồng và 02 cục bột màu hồng có khối lượng 0,15 gam, lấy 0,11 gam làm mẫu định ký hiệu là NT1, còn lại: 0,04 gam, ký hiệu NT1A; 01 mảnh nilon niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 13/12/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 2106/KL-KTHS, kết luận: "Mẫu ký hiệu NT1 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,15 gam; loại Methamphetamine".

Thực hiện điều tra, xác minh đối với người bán trái phép chất ma túy cho Niêm nhưng không thu thập được tài liệu nào khác ngoài lời khai của Niêm.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-ML ngày 15/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Quàng Văn N và Điêu Chính T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do sử dụng ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố các bị cáo Quàng Văn N và Điêu Chính T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quàng Văn N từ 18 đến 28 tháng tù; xử phạt bị cáo Điêu Chính T từ 17 đến 23 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a

khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 0,04 gam Methamphetamine; 01 mảnh nilon. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Niêm; áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Thanh phải chịu án phí 200.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo N tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế; khối lượng ma tuý không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội; đề nghị miễn án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế, vai trò đồng phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt từ 12 đến 16 tháng tù để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận; Các bị cáo không bổ sung bào chữa, tranh luận; các bị cáo xin được khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên

toà, xác định: Hồi 17 giờ, ngày 12/12/2024 Quàng Văn N nói với Điêu Chính T "cùng nhau góp tiền để tìm mua ma tuý về sử dụng", Thanh đồng ý đưa cho Niêm 100.000VNĐ, Niêm bảo Thanh đứng chờ, Niêm đi bộ đến khu vực cầu Vạn Bú thì hỏi và mua được 01 gói ma tuý với số tiền 200.000VNĐ rồi quay lại chỗ Thanh, đưa cho Thanh xem xong Niêm cất vào túi quần thì gặp Tổ công tác Công an xã thị trấn Ít Ong làm nhiệm vụ phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 18 giờ 30 phút ngày 12/12/2024, thu giữ 01 gói nilon màu hồng bên trong có 01 viên nén màu hồng và 02 cục bột màu hồng. Tại kết luận giám định số 2106/KL-KTHS, ngày 13/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Mẫu ký hiệu NT1 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,11 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,15 gam; loại Methamphetamine". Như vậy, Quàng Văn N và Điêu Chính T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giữ trái phép chất ma tuý, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Quàng Văn N và Điêu Chính T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine… có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Các bị cáo được tuyên truyền tác hại của ma tuý nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì sử dụng ma túy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có cùng tính chất, trong đó Niêm giữ vai trò chính (là người rủ, trực tiếp mua và cất giữ trái phép chất ma túy), còn Thanh giúp sức tích cực (góp tiền). Hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma tuý có khối lượng 0,15 gam là nguy hiểm cho xã hội; với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do sử dụng ma túy và kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội, đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt lương tâm, chấp hành

tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế, cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định các bị cáo chưa chấp hành quy định của địa phương.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, Cơ quan CSĐT đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,11 gam Methamphetamine không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 0,04 gam Methamphetamine ký hiệu NT1A là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 mảnh nilon là vật dụng bị cáo sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: bị cáo N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Đối cới bị cáo T không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; 58 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Quàng Văn N và Điêu Chính T.

1. Tuyên bố: Bị cáo Quàng Văn N và Điêu Chính T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

Bị cáo Quàng Văn N 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (12/12/2024).

Bị cáo Điêu Chính T 19 (Mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (12/12/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy: 0,04 gam Methamphetamine, ký hiệu NT1A; 01 mảnh nilon của Quàng Văn N (Chi tiết biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn N.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc Điêu Chính T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/5/2025).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA Tỉnh La (Phòng Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà